

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 03 tháng 02 năm 2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Đoàn Văn Quang

2). Bà Lê Thị Ngọc Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hữu Vĩnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 1998, chị và anh Nguyễn Văn P qua mai mối, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Đến khi vợ chồng có con chung (năm 2007) thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi cưới, vợ chồng về quê chị cất nhà chung sống gần nhà cha mẹ ruột. Sống có hạnh phúc đến khi chị sinh con thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do chồng thường xuyên ăn nhậu về nhà kiếm chuyện chửi cha mẹ ruột chị. Khi anh P đi làm phụ thợ hồ thì đi nhậu không chịu về nhà, thường xuyên đi đến vài tháng mới trở về, không phụ tiền bạc gì lo cho vợ con. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Từ năm 2018, vợ chồng không còn gặp nhau trao đổi, hàn gắn tình cảm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/x/xxxx đang sống với chị. Hiện con chung đã trưởng thành và tự lao động được nên chị không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có.

* Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng anh P vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh P vẫn vắng mặt không

có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 76, quyển số 02/2007, ngày 31 tháng 5 năm 2007 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống không hạnh phúc do anh P thường xuyên ăn nhậu, không lo cho gia đình về nhà kiếm chuyện chửi cha mẹ ruột chị và đánh chửi chị. Chị N đã trao đổi hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi và từ năm 2018, anh chị đã không còn chung sống, không trao đổi, hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh P không chăm lo cho gia đình nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc chị N xin ly hôn nhưng anh vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà chị N đưa ra nên lời trình bày của chị N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N khai vợ chồng có 01 con chung con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/x/xxxx đang sống với chị. Hiện nay, cháu Huyền đã trưởng thành và tự lao động được nên chị N không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[3] Về án phí: Chị N nộp án phí ly hôn theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Văn P.
2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.
3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Chị Võ Thị N nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018022 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã T, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ